

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 157/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 22-10-2019.

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông và bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Việt Thắng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình đã thụ lý số 124/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05-9-2019, do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 03-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXX-PT ngày 10-10-2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh LNH, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 28, ngõ 9, phố An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn có kháng cáo: Chị ĐTKQ, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 11 B6 tập thể Đại học kinh tế quốc dân, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 28, ngõ 9, phố An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà ĐTM, sinh năm 1960.

Trú tại: Số 12, ngõ 61, khối 8, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Chị QTTL, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn Yên Mỹ, xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

3. Anh LVH, sinh năm 1968.

Trú tại: Số 3, ngõ 405/35 Bát Khối, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

4. Chị NTTH, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn 2, xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

5. Chị ĐTD, sinh năm 1975.

Trú tại: Số nhà 30, ngõ 9, tổ dân phố 2, An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Ông LMD, sinh năm 1949.

7. Bà NTH, sinh năm 1952, (có mặt tại phiên tòa).

Cùng trú tại: Đội 10, xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Anh LNH chung sống với chị ĐTKQ từ năm 1996 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh LNH và chị ĐTKQ sống chung tại số nhà 28, ngõ 9, phố An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tình cảm hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh LNH thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm và cách sống không hợp nhau nữa. Chị ĐTKQ đã bỏ nhà đi từ năm 2013 và trở về năm 2015 nhưng sống ly thân về tình cảm, riêng biệt về kinh tế. Cho rằng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả và tình cảm không còn nên anh LNH xin ly hôn.

Chị ĐTKQ thừa nhận tình cảm vợ chồng mâu thuẫn và do nguyên nhân kinh tế. Vợ chồng không thống nhất được quan điểm để chia sẻ trách nhiệm kinh tế gia đình dẫn đến mâu thuẫn. Chị ĐTKQ không thừa nhận bỏ nhà đi mà là do phải đi thuê nhà trọ ở trong thời gian gia đình xây dựng lại nhà. Khi nhà xây xong thì chỉ có các con về ở, còn chị ĐTKQ chưa về ngay vì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Chị ĐTKQ thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng vẫn còn tình cảm vợ chồng nên xin đoàn tụ với anh LNH để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh LNH và chị ĐTKQ cùng thừa nhận có 03 con chung là:

1. Lê Quỳnh Anh, sinh ngày 13-7-1996.

2. Lê Hà My, sinh ngày 10-02-1998.

3. Lê Đức Anh, sinh ngày 18-11-1999.

Hiện cả 3 con chung đều đã trên 18 tuổi, sức khỏe và tinh thần phát triển bình thường. Do con chung đã trưởng thành nên anh LNH và chị ĐTKQ không tranh chấp quyền cũng như nghĩa vụ chăm sóc nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung: Anh LNH và chị ĐTKQ cùng xác nhận không tranh chấp vì không có tài sản giá trị.

Về nợ:

Anh LNH khai vợ chồng không vay nợ ai.

Chị ĐTKQ khai vợ chồng có 5 khoản nợ như sau:

1. Nợ bà ĐTM số tiền 70.000.000 đồng. Khoản nợ này do chị ĐTKQ vay nhiều lần vào tháng 3-1998, tháng 10-1998, cuối năm 1999, tháng 01-2000, tháng 3-2014. Mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và mua nguyên vật liệu xây dựng nhà cấp 4 vào năm 1998.

2. Nợ anh LVH số tiền 40.000.000 đồng. Khoản nợ này do chị ĐTKQ vay 2 lần, từ năm 2008 và khoảng năm 2001. Mục đích vay tiền để trả nợ thua cờ bạc và chi phí xin việc cho anh LNH.

Chị ĐTKQ khai anh Lê Ngọc Huệ cầm một phần số tiền vay này nhưng không biết là vay của anh LVH.

3. Nợ chị QTTL số tiền 100.000.000 đồng. Khoản nợ này do chị Đỗ Thị Kim Quý vay năm 2012 để trả nợ cho anh LNH. Tiền vay được chuyển vào tài khoản của anh LNH là 0520109592009 Ngân hàng Quân đội chi nhánh Điện Biên Phủ. Chị ĐTKQ khai anh LNH là người đi rút tiền.

4. Nợ chị NTTH số tiền 100.000.000 đồng. Khoản nợ này do chị Đỗ Thị Kim Thúy vay năm 2014, đưa cho anh LNH nhiều lần để xây nhà 6 tầng như hiện nay.

5. Nợ chị ĐTD số tiền 50.000.000 đồng. Khoản nợ này do chị ĐTKQ vay để xây dựng công trình phụ. Do chị ĐTD đòi nhiều lần chưa trả được nên ngày 25-6-2017 chị ĐTKQ mới viết giấy vay.

Những người có quyền lợi liên quan khai tại Tòa án về việc cho chị ĐTKQ vay tiền như sau:

- Bà ĐTM khai năm 1996 có cho vợ chồng anh LNH, chị ĐTKQ vay 5 chỉ vàng làm đám cưới và sau đó cho vay 70.000.000 đồng nhưng không nhớ cụ thể thời điểm cho vay, mục đích vay và không giấy tờ. Bà ĐTM yêu cầu anh LNH và chị ĐTKQ trả khoản tiền này nhưng sau đó bà ĐTM xin rút yêu cầu và không nộp tạm ứng án phí.

- Anh LVH khai đã 02 lần cho chị ĐTKQ vay số tiền 40.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình, có giấy vay tiền. Anh LVH khai không quen biết anh LNH.

- Chị QTTL khai có cho anh LNH và chị ĐTKQ vay số tiền 100.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của anh LNH nên đề nghị giải quyết trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, ngày 13-9-2019 chị QTTL có đơn rút yêu cầu độc lập này và không nộp tạm ứng án phí.

- Chị NTTH khai việc cho vay tiền là việc riêng với chị ĐTKQ, không liên quan đến anh LNH nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

- Chị ĐTD khai có cho chị ĐTKQ vay số tiền 50.000.000 đồng là việc riêng, không liên quan đến vụ án ly hôn. Sau này chị ĐTD sẽ khởi kiện vụ án khác nếu ĐTKQ không trả được nợ.

- Ông LMD và bà NTH là cha, mẹ ruột của anh LNH khai là chủ sở hữu nhà, chủ sử dụng đất tại số 28, ngõ 9, phố An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Việc xây dựng thêm một gian nhà cấp 4 năm 1998 cũng như sau này phá dỡ để xây dựng ngôi nhà 6 tầng như hiện nay hoàn toàn do vợ chồng ông LMD và bà NTH thực hiện bằng tiền tiết kiệm cùng với vay Ngân hàng. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vẫn thế chấp cho Ngân hàng. Vợ chồng anh LNH, chị ĐTKQ không đóng góp tiền xây dựng, sửa chữa nhà. Trường hợp anh LNH, chị ĐTKQ đoàn tụ thì ông LMD, bà NTH cho ở nhờ nhà đất này để nuôi dạy con chung. Trường hợp ly hôn, ông LMD và bà NTH tự nguyện hỗ trợ cho chị ĐTKQ 30.000.000 đồng.

Anh LNH cũng tự nguyện hỗ trợ cho chị ĐTKQ 20.000.000 đồng khi ly hôn.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 03-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh LNH. Cho anh LNH được ly hôn chị ĐTKQ.

2. Về con chung: 03 con chung là Lê Quỳnh Anh, Lê Hà My và Lê Đức Anh đều đã trưởng thành nên không xét.

3. Tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị ĐTKQ ở vụ án khác khi có yêu cầu và xuất trình chứng cứ.

Dành quyền khởi kiện cho bà ĐTM, chị QTTL, chị NTTH, chị ĐTD và anh LVH ở vụ án khác khi có yêu cầu và xuất trình chứng cứ.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông LMD, bà NTH trích công sức duy trì, quản lý tài sản cho chị ĐTKQ là 30.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh LNH trích công sức duy trì, quản lý tài sản cho chị ĐTKQ là 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí ly hôn sơ thẩm và thời hạn kháng cáo của đương sự trong vụ án.

Sau khi Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử, ngày 16-7-2019 chị ĐTKQ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý ly hôn vì anh LNH chưa giải quyết xong các khoản nợ chung. Anh LNH không đồng ý với kháng cáo của chị ĐTKQ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị ĐTKQ giữ nguyên nội dung và lý do kháng cáo, đồng thời đề nghị Tòa án triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị QTTL đến phiên tòa để làm rõ việc vợ chồng vay nợ của chị QTTL. Trường hợp phải ly hôn, chị ĐTKQ đề nghị anh LNH hỗ trợ 300.000.000 đồng để chị ĐTKQ tạo lập nơi ở mới.

- Anh LNH đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo của chị ĐTKQ. Đối với đề nghị hỗ trợ chị ĐTKQ 300.000.000 đồng, anh LNH không đồng ý vì cho rằng điều kiện kinh tế khó khăn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tòa án xét xử sơ thẩm không giải quyết khoản nợ nhưng đã dành quyền khởi kiện dân sự cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà ĐTM, anh LVH, chị QTTL, chị NTTH, chị ĐTĐ vì họ không yêu cầu giải quyết trong vụ án, vắng mặt và không nộp tạm ứng án phí là phù hợp. Về nội dung: Anh LNH và chị ĐTKQ ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án xét xử sơ thẩm cho anh LNH ly hôn chị ĐTKQ là phù hợp. Lý do kháng cáo của chị ĐTKQ không cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tố tụng:

Chị ĐTKQ là bị đơn trong vụ án đã gửi đơn kháng cáo ngày 16-7-2019 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi là kháng cáo hợp lệ.

Tòa án nhân dân quận Hà Đông xác định loại vụ án Hôn nhân & Gia đình và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Anh LNH chung sống với chị ĐTKQ từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, đến năm 2013 anh LNH và chị ĐTKQ đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, anh LNH và chị ĐTKQ phát sinh mâu thuẫn vào năm 2013 và ly thân từ năm 2014.

[2.2]. Về căn cứ cho ly hôn: Chị ĐTKQ thừa nhận lý do không ly hôn là bởi chưa giải quyết xong về nợ chung. Thấy rằng: Anh LNH và chị ĐTKQ có thời gian chung sống từ năm 1996 đến thời điểm ly thân năm 2014 là khá dài và dựa trên những cơ sở của hôn nhân tiến bộ, cùng quê hương nên có điều kiện tìm hiểu trước hôn nhân. Tuy nhiên lời khai của cả anh LNH và chị ĐTKQ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đều cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không những sống ly thân về tình cảm mà còn riêng biệt về kinh tế từ nhiều năm, không quan tâm chia sẻ với nhau. Tình trạng mâu thuẫn căng thẳng trong hôn nhân còn

làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và tâm lý con chung. Tại Đơn trình bày ngày 24-01-2018, cháu Lê Quỳnh Anh đã nói quan điểm của mình về mâu thuẫn giữa cha và mẹ là “... nên chia tay chứ sống với nhau mà không có tình cảm thì ảnh hưởng đến chúng cháu và gia đình”. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh LNH và chị ĐTKQ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không nên kéo dài. Anh LNH tha thiết xin ly hôn là chính đáng. Nguyên vọng của chị ĐTKQ xin đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm, mục đích đoàn tụ không vì tình cảm mà là để ràng buộc anh LNH về trách nhiệm trả nợ và công sức. Tòa án nhân dân quận Hà Đông xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh LNH là đúng pháp luật. Lý do kháng cáo xin đoàn tụ của chị ĐTKQ là không chính đáng.

[2.3]. Về giải quyết trách nhiệm trả nợ: Quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông chị ĐTKQ chưa cung cấp đầy đủ chứng cứ, thông tin liên quan đến 5 khoản nợ. Trong khi đó anh LNH không thừa nhận các khoản nợ mà chị ĐTKQ đưa ra. Mặt khác, bà ĐTM và chị QTTL tham gia tố tụng đề nghị giải quyết hợp đồng vay tiền nhưng sau đó không yêu cầu giải quyết, không nộp tạm ứng án phí dân sự. Anh LVH đã tham gia tố tụng nhưng sau đó nhiều lần vắng mặt mặc dù được giấy triệu tập hợp lệ, thậm chí Tòa án giải quyết sơ thẩm phải thực hiện thủ tục niêm yết nhưng anh LVH vẫn vắng mặt không lý do. Chị NTTH và chị ĐTD thừa nhận có cho chị ĐTKQ vay tiền nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét yêu cầu của chị ĐTKQ về phân chia trách nhiệm trả nợ trong vụ án và dành quyền khởi kiện về cho bà ĐTM, chị QTTL, chị NTTH, chị ĐTD và anh LVH bằng vụ án khác cũng là cơ sở để đảm bảo quyền, nghĩa vụ dân sự cũng như quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong vụ án.

[2.4]. Lý do kháng cáo của chị ĐTKQ không cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên cần sửa lại cách tuyên nội dung chị ĐTKQ yêu cầu trả nợ cho phù hợp và bổ sung về nghĩa vụ thi hành án mà Tòa án nhân dân quận Hà Đông còn thiếu sót. Mặc dù xác định nhà đất là của ông LMD và bà NTH nhưng Tòa án nhân dân quận Hà Đông lại xác định anh LNH tự nguyện hỗ trợ chị ĐTKQ 20.000.000 đồng công sức duy trì, quản lý tài sản là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định đây khoản tiền anh LNH hỗ trợ để chị ĐTKQ tạo lập nơi ở sau ly hôn.

[2.5]. Do sửa án sơ thẩm nên chị ĐTKQ không phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của chị ĐTKQ.

- Sửa cách tuyên tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 03-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh LNH.

Anh LNH được ly hôn chị ĐTKQ.

2. Về con chung: Xác định 03 con chung là Lê Quỳnh Anh, Lê Hà My, Lê Đức Anh của anh LNH và chị ĐTKQ đều đã trưởng thành nên không giải quyết trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Tài sản chung: Ghi nhận nội dung tự khai của anh LNH và chị ĐTKQ xác định không tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị ĐTKQ, bà ĐTM, chị QTTL, chị NTTH, chị ĐTD và anh LVH được quyền khởi kiện vụ án dân sự để giải quyết các hợp đồng vay tài sản khi phát sinh yêu cầu và xuất trình chứng cứ.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông LMD, bà NTH trích công sức duy trì, quản lý tài sản cho chị ĐTKQ là 30.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh LNH hỗ trợ cho chị ĐTKQ 20.000.000 đồng tạo lập nơi ở sau ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án phí sơ thẩm: Anh LNH phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 3768 ngày 13-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

- Án phí phúc thẩm: Chị ĐTKQ không phải chịu án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình, được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 8004 ngày 26-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22-10-2019./.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa